BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KINH TẾ - KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên chương trình đào tạo: Cử nhân Quản trị khách sạn

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Quản trị khách sạn **Mã ngành:** 7810201

Hình thức đào tạo: Chính quy

(Ban hành kèm theo Quyết định số 547/QĐ-ĐHKTKTCN, ngày 30 tháng 05 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp)

(Áp dụng đối với khóa 18)

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo ngành **Quản trị khách sạn** của Trường Đại học Kinh tế – Kỹ thuật Công nghiệp được thiết kế theo định hướng ứng dụng, nhằm trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng nền tảng vững chắc về **kinh tế, quản trị kinh doanh trong lĩnh vực du lịch khách sạn**, cùng năng lực nghiên cứu ứng dụng, đổi mới sáng tạo và thực hành nghề nghiệp. Sinh viên tốt nghiệp sẽ làm chủ khả năng giải quyết hiệu quả các vấn đề liên quan đến kinh doanh du lịch - khách sạn và phục vụ khách hàng bằng cách vận dụng tích hợp tư duy STEM, năng lực số và nền tảng về Trí tuệ nhân tạo, sẵn sàng thích ứng và làm việc trong môi trường số đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động trong nước và hội nhập quốc tế.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Sau khi tốt nghiệp cử nhân ngành Quản trị khách sạn từ 2-3 năm, người học có khả năng:

PO1: Có khả năng áp dụng được kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, chính trị và pháp luật để giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực du lịch và khách sạn.

PO2: Có khả năng áp dụng được các kiến thức ngành và chuyên ngành về quản lý, kinh doanh trong lĩnh vực dịch vụ du lịch và khách sạn để thực hiện các công việc chuyên môn trong những bối cảnh khác nhau tại doanh nghiệp, đơn vị.

PO3: Có kỹ năng làm việc hiệu quả trong môi trường số hóa và đa văn hóa.

PO4: Vận dụng thành thạo các kỹ năng chuyên môn và tư duy quản trị để tổ chức, điều hành hiệu quả hoạt động kinh doanh dịch vụ du lịch - khách sạn, đồng thời đề xuất các giải pháp đổi mới sáng tạo.

PO5: Thể hiện khả năng làm việc độc lập hoặc hợp tác nhóm, có năng lực sáng tạo để giải quyết những vấn đề thuộc ngành du lịch; đồng thời tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, có khả năng tự học suốt đời và phát huy tinh thần khởi nghiệp để chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với tập thể.

2. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

2.1. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Sinh viên tốt nghiệp ngành Quản trị khách sạn có khả năng:

STT	Kí hiệu	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) và Chỉ số thực hiện (PIs)	Mức độ năng lực của CĐR
Kiến thức chung			
1	**PLO1**	**Áp dụng được kiến thức nền tảng về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật, khoa học tự nhiên để giải quyết các vấn đề thực tiễn của ngành du lịch - khách sạn trong môi trường kinh doanh hội nhập**	**3**
		PI1.1: Áp dụng kiến thức về khoa học xã hội, chính trị và pháp luật để đề xuất các giải pháp cho các vấn đề tại doanh nghiệp/đơn vị trong ngành du lịch, phù hợp quy định pháp luật và chuẩn mực nghề nghiệp.	3
		PI1.2: Áp dụng kiến thức về khoa học tự nhiên trong lĩnh vực du lịch phù hợp với bối cảnh của tổ chức, doanh nghiệp chuyên môn và phù hợp bối cảnh tổ chức.	3
Kiến thức chuyên môn			
2	**PLO2**	**Áp dụng kiến thức nền tảng về kinh tế, quản lý, marketing và dịch vụ để phân tích hoạt động kinh doanh du lịch.**	**3**
		PI 2.1: Áp dụng kiến thức cơ bản về khoa học kinh tế và quản lý trong việc phân tích hoạt động kinh doanh du lịch.	3
		PI 2.2: Áp dụng kiến thức về quản trị dịch vụ, du lịch để đề xuất các quyết định quản lý và phát triển hoạt động du lịch.	3
3	**PLO3**	**Áp dụng các kiến thức chung về khách sạn, nhà hàng để thực hiện các hoạt động kinh doanh của khách sạn.**	**3**
		PI3.1: Áp dụng những kiến thức chung của ngành trong kinh doanh khách sạn	3
		PI3.2: Áp dụng những kiến thức chuyên sâu về quản trị, kinh doanh và quản lý trong kinh doanh khách sạn	3
4	**PLO4.01**	**Định hướng Lễ tân đối ngoại** **Phân tích môi trường kinh doanh, tổ chức, điều hành và giám sát hiệu quả các hoạt động lễ tân và dịch vụ khách hàng trong khách sạn.**	**4**
		PI4.1.01: Phân tích môi trường kinh doanh và hành vi khách hàng trong bối cảnh hội nhập quốc tế.	4

		PI4.2.01: Áp dụng phần mềm quản lý lễ tân (PMS, CRM) trong quản lý dịch vụ tiền sảnh.	3
		PI4.3.01: Tổ chức quy trình phục vụ khách hàng theo lễ nghi ngoại giao.	3
	PLO4.02	**Định hướng Tổ chức sự kiện** **Áp dụng kiến thức về quản trị, truyền thông và công nghệ để thiết kế và điều hành sự kiện du lịch – khách sạn.**	**4**
		PI4.1.02: Phân tích xu hướng và môi trường kinh doanh MICE & sự kiện du lịch.	4
		PI4.2.02: Thiết kế và điều phối dự án sự kiện bằng các công cụ quản trị dự án.	3
		PI4.3.02: Điều phối nguồn lực và quy trình tổ chức sự kiện.	3
Kỹ năng chung			
5	**PLO5**	**Vận dụng khả năng giao tiếp, tư duy phản biện và tinh thần khởi nghiệp để lãnh đạo đội nhóm giải quyết các vấn đề phức tạp trong vận hành khách sạn và dịch vụ khách hàng.**	**3**
		PI 5.1: Trình bày, phản biện và truyền đạt các ý tưởng, giải pháp chuyên môn một cách rõ ràng, logic, thuyết phục để giải quyết vấn đề phức tạp.	3
		PI 5.2: Điều hành, tổ chức công việc nhóm, và đánh giá, phân loại chất lượng sản phẩm công việc, thể hiện tinh thần khởi nghiệp.	3
6	**PLO6**	**Vận dụng tích hợp tư duy STEM, trí tuệ nhân tạo (AI) và năng lực số để giải quyết các vấn đề chuyên môn và nâng cao hiệu quả công việc.**	**3**
		PI 6.1: Vận dụng tư duy STEM và sử dụng các công cụ trí tuệ nhân tạo (AI) để tạo ra các sản phẩm/giải pháp số hỗ trợ công việc chuyên môn..	3
		PI 6.2: Sử dụng thành thạo các phần mềm và các thiết bị, công cụ hỗ trợ trong công việc chuyên môn về du lịch khách sạn.	3
7	**PLO7**	**Sử dụng ngoại ngữ Bậc 3/6 để giao tiếp cơ bản, phục vụ công việc và tương tác trong môi trường nghề nghiệp.**	**3**
		PI 7.1: Đọc và hiểu các tài liệu tiếng Anh thông dụng liên quan đến công việc.	3
		PI7.2: Giao tiếp hiệu quả bằng tiếng Anh trong các tình huống thường gặp ở nơi làm việc.	3

Kỹ năng chuyên môn			
8	**PLO8**	**Vận dụng các nguyên tắc, kỹ thuật quản lý và lãnh đạo để tổ chức, điều hành và giám sát hiệu quả các hoạt động chuyên môn.**	**3**
		PI8.1: Tổ chức và giám sát hiệu quả các hoạt động nghiệp vụ (lễ tân, buồng, nhà hàng...) theo quy trình vận hành tiêu chuẩn.	**3**
		PI8.2: Vận dụng các quy trình quản lý tiêu chuẩn để nhận diện và đề xuất các giải pháp giải quyết hiệu quả các vấn đề phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh dịch vụ du lịch - khách sạn.	**3**
9	**PLO9**	**Thực hiện thành thạo các kỹ năng nghiệp vụ Lễ tân, nghiệp vụ Nhà hàng, nghiệp vụ Buồng trong khách sạn đạt chuẩn từ 3 sao trở lên hoặc các cơ sở lưu trú du lịch đạt chuẩn tương đương**	**3**
		PI9.1: Tuân thủ đúng quy trình nghiệp vụ lễ tân, nghiệp vụ nhà hàng, nghiệp vụ buồng trong các khách sạn 3 sao trở lên	3
		PI9.2: Thành thạo các kỹ thuật nghiệp vụ lễ tân, nghiệp vụ nhà hàng, nghiệp vụ buồng trong khách sạn	3
10	**PLO10.01**	**Định hướng Lễ tân đối ngoại** **Xử lý các tình huống trong lễ tân đối ngoại liên quan đến quá trình phục vụ tại khách sạn.**	**4**
		PI10.1.01: Xây dựng các phương án phục vụ trong lễ tân đối ngoại	4
		PI10.2.01: Vận dụng được các kỹ năng để xử lý tình huống phát sinh trong lễ tân đối ngoại	3
	PLO10.02	**Định hướng Tổ chức sự kiện** **Xử lý các tình huống khi tổ chức sự kiện liên quan đến quá trình phục vụ của khách sạn.**	**4**
		PI10.1.02: Tư vấn, thiết kế các chương trình khi tổ chức sự kiện	4
		PI10.2.02: Vận dụng được các kỹ năng để xử lý tình huống phát sinh trong quá trình tổ chức sự kiện	3
Mức tự chủ và trách nhiệm			
11	**PLO11**	**Thể hiện sự chủ động trong công việc, sẵn sàng thích ứng và hợp tác hiệu quả để giải quyết các vấn đề phát sinh trong kinh doanh du lịch và Khách sạn**	**3**
		PI11.1: Thể hiện được khả năng tự nghiên cứu, học tập, thích ứng với sự thay đổi trong công việc.	3

		PI11.2: Trình bày được các ý kiến phản biện, các quan điểm cá nhân và bảo vệ được các quan điểm trong công tác chuyên môn	3
12	**PLO12**	**Tuân thủ pháp luật, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, thể hiện trách nhiệm với xã hội và ngành du lịch**.	**3**
		PI12.1: Tuân thủ các quy định về đạo đức nghề nghiệp, pháp luật của nhà nước.	3
		PI12.2: Thể hiện trách nhiệm và tích cực tham gia vào hoạt động đóng góp cho xã hội và ngành du lịch	3

2.2. Trình độ tin học, ngoại ngữ

- Trình độ tin học: Đào tạo người học đạt chuẩn trình độ về tin học về Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản *(theo thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT BGDĐT-BTTTT)* và các quy định hiện hành của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp

- Trình độ ngoại ngữ: Đào tạo người học đạt trình độ tối thiểu tương đương bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam *(theo thông tư Số: 33/2026/TT-BGDT)* và các quy định hiện hành của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp

2.3. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp hướng tới đào tạo nguồn nhân lực theo định hướng ứng dụng. Vì vậy, chương trình đào tạo cử nhân Quản trị khách sạn được xây dựng nhằm hướng đến kết quả là người học sau khi tốt nghiệp có thể đảm nhận các vị trí công việc chuyên môn tại các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lưu trú phục vụ du lịch và các tổ chức kinh tế - xã hội khác trong lĩnh vực du lịch khách sạn. Với những kiến thức về chuyên ngành được đào tạo, người học có thể đảm nhận được những vị trí công việc như sau:

- Nhân viên, quản lý, giám sát, điều hành trong các bộ phận kinh doanh của doanh nghiệp du lịch, khách sạn, nhà hàng, resort, khu nghỉ dưỡng, khu du lịch như lễ tân, buồng, quản trị nhân sự, dịch vụ bổ sung, tổ chức sự kiện;

- Chuyên viên, quản lý tại các cơ quan quản lý nhà nước về du lịch như Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Cục Du lịch quốc gia, các Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Hiệp hội du lịch, Hiệp hội khách sạn;

- Tham gia giảng dạy chuyên ngành khách sạn các tại các cơ sở đào tạo phù hợp;

- Tự khởi nghiệp thành lập doanh nghiệp du lịch, khách sạn, nhà hàng, resort, khu nghỉ dưỡng, khu du lịch.

2.4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

Trên nền tảng các kiến thức và kỹ năng đã được trang bị, sinh viên ngành Quản trị khách sạn sau khi tốt nghiệp có khả năng:

- Tiếp tục học tập ở bậc cao hơn (Thạc sĩ, Tiến sĩ) và có điều kiện liên thông sang các ngành đào tạo khác trong khối ngành Kinh tế;

- Tự nghiên cứu, học tập, bổ sung các tri thức và kỹ năng còn thiếu nhằm đáp ứng với yêu cầu của vị trí công tác và quy hoạch phát triển nhân sự ở đơn vị công tác.

3. Ma trận tương thích giữa chuẩn đầu ra và mục tiêu của chương trình đào tạo

Mục tiêu của CTĐT		**Chuẩn đầu ra của CTĐT**											
		PLO1	**PLO2**	**PLO3**	**PLO4**	**PLO5**	**PLO6**	**PLO7**	**PLO8**	**PLO9**	**PLO10**	**PLO11**	**PLO12**
Chương trình đào tạo ngành Quản trị khách sạn của Trường Đại học Kinh tế – Kỹ thuật Công nghiệp được thiết kế theo định hướng ứng dụng, nhằm trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng nền tảng vững chắc về kinh tế, quản trị kinh doanh trong lĩnh vực du lịch khách sạn, cùng năng lực nghiên cứu ứng dụng, đổi mới sáng tạo và thực hành nghề nghiệp.Sinh viên tốt nghiệp sẽ làm chủ khả năng giải quyết hiệu quả các vấn đề liên quan đến kinh doanh du lịch - khách sạn và phục vụ khách hàng bằng cách vận dụng tích hợp tư duy STEM, năng lực số và nền tảng về Trí tuệ nhân tạo, sẵn sàng thích ứng và làm việc trong môi trường số đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động trong nước và hội nhập quốc tế.												
Mục tiêu cụ thể		PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12
PO1	Có khả năng áp dụng được kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, chính trị và pháp luật để giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực du lịch và khách sạn.	x											
PO2	Có khả năng áp dụng được các kiến thức ngành và chuyên ngành về quản lý, kinh doanh trong lĩnh vực dịch vụ du lịch và khách sạn để thực hiện các công việc chuyên môn trong những bối cảnh khác nhau tại doanh nghiệp, đơn vị.		x	x	x								
PO3	Có kỹ năng làm việc hiệu quả trong môi trường số hóa và đa văn hóa.					x	x	x					
PO4	Vận dụng thành thạo các kỹ năng chuyên môn và tư duy quản trị để tổ chức, điều hành hiệu quả hoạt động kinh doanh dịch vụ du lịch - khách sạn, đồng thời đề xuất các giải pháp đổi mới sáng tạo.								x	x	x		
PO5	Thể hiện khả năng làm việc độc lập hoặc hợp tác nhóm, có năng lực sáng tạo để giải quyết những vấn đề thuộc ngành du lịch; đồng thời tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, có khả năng tự học suốt đời và phát huy tinh thần khởi											x	x

	nghiệp để chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với tập thể.												

4. Khối lượng kiến thức toàn khoá: 136 tín chỉ *(Chưa bao gồm khối lượng kiến thức Giáo dục thể chất (4 TC) và Giáo dục Quốc phòng – An ninh (8 TC))*

Trong đó:

- Khối kiến thức giáo dục đại cương: 38 tín chỉ (27,94%)
- Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 98 tín chỉ (72,06%)
  - *Phần lý thuyết* *56 tín chỉ*
  - *Phần thực hành, thực tập, đồ án:* *33 tín chỉ*
  - *Khoá luận tốt nghiệp* *09 tín chỉ*

5. Đối tượng tuyển sinh: Người học đảm bảo Chuẩn đầu vào chương trình đào tạo đại học – Người học phải tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

- Đào tạo theo học chế tín chỉ.
- Điều kiện tốt nghiệp: Thực hiện theo Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học; Quyết định số 832/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 20 tháng 9 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

7. Cách thức đánh giá: Theo thang điểm 10**,** thang điểm 4 và thang điểm chữ được quy định cụ thể trong Quy chế đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

8. Nội dung chương trình

TT	Mã học phần	Học phần	Khoa/ Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT,TH/TL, Tự học)	Ghi chú
	1. Kiến thức giáo dục đại cương (38 tín chỉ) *(chưa bao gồm khối lượng kiến thức GDTC, GDQP-AN)*			**38**		
		1.1. Lý luận chính trị		**11**		
1	001535	1. Triết học Mác-Lênin	LLCT &PL	3	(33, 24, 90)	x
2	001536	2. Kinh tế chính trị Mác-Lênin	LLCT &PL	2	(21, 18, 60)	x
3	001537	3. Chủ nghĩa xã hội khoa học	LLCT &PL	2	(21, 18, 60)	x
4	000573	4. Tư tưởng Hồ Chí Minh	LLCT &PL	2	(21, 18, 60)	x
5	001538	5. Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	LLCT &PL	2	(21, 18, 60)	x
		1.2. Khoa học xã hội		**2**		
6	000585	1. Pháp luật đại cương	LLCT &PL	2	(26, 8, 60)	x
		1.3. Khoa học tự nhiên – Toán học - Tin học		**4**		

TT	Mã học phần	Học phần	Khoa/ Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT,TH/TL, Tự học)	Ghi chú
		Chọn 4TC trong các học phần				
7	002468	1. Toán ứng dụng cho ngành DL & KS	KHƯD	2	(26, 8, 60)	x
8	001053	2. Đại số tuyến tính	KHƯD	2	(26, 8, 60)	
9	002974	3. Phương pháp nghiên cứu khoa học trong Kinh tế - xã hội	DLKS	2	(26, 8, 60)	x
		1.4. Ngoại ngữ		**16**		
10	001942	1. Tiếng Anh 1	NN	4	(48,24,120)	x
11	001943	2. Tiếng Anh 2	NN	4	(48,24,120)	x
12	001944	3. Tiếng Anh 3	NN	4	(48,24,120)	x
13	001945	4. Tiếng Anh 4	NN	4	(48,24,120)	x
		1.5. Kiến thức bổ trợ		**5**		
14	002151	1. Kỹ năng nhận thức bản thân	KHƯD	1	(15, 0, 30)	x
15	002469	2. Kỹ năng nghề nghiệp - QTKS	DL&KS	1	(15, 0, 30)	x
16	002129	3. Kỹ năng phỏng vấn xin việc	KHƯD	1	(15, 0, 30)	x
17	002969	4. Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	KHƯD	1	(15, 0, 30)	
18	001382	5. Cơ sở văn hóa Việt Nam - DLKS	DL&KS	2	(26, 8, 60)	x
		1.6. Giáo dục thể chất	**GDTC**	**4**		
19	000718	1. Giáo dục thể chất 1	GDTC	1	(0, 30, 30)	x
20	000719	2. Giáo dục thể chất 2	GDTC	1	(0, 30, 30)	x
21	000739	3. Giáo dục thể chất 3	GDTC	1	(0, 30, 30)	x
22	000740	4. Giáo dục thể chất 4	GDTC	1	(0, 30, 30)	x
		1.7. Giáo dục quốc phòng	**GDQP**	**8**		

TT	Mã học phần	Học phần	Khoa/ Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT,TH/TL, Tự học)	Ghi chú
23	002200	1. Giáo dục quốc phòng - HP1	GDQP	3	(37, 16, 0)	x
24	002201	2. Giáo dục quốc phòng - HP2	GDQP	2	(22, 16, 0)	x
25	002202	3. Giáo dục quốc phòng - HP3	GDQP	1	(7, 16, 0)	x
26	002203	4. Giáo dục quốc phòng - HP4	GDQP	2	(4, 56, 0)	x
	2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (98 tín chỉ)			**98**		
		2.1. Kiến thức cơ sở ngành Kinh tế & Quản lý du lịch		**26**		
		Các học phần bắt buộc		***16***		
27	000564	1. Kinh tế vi mô	DL&KS	2	(26, 8, 60)	x
28	000565	2. Kinh tế vĩ mô	DL&KS	2	(26, 8, 60)	x
29	000493	3. Quản trị học	QTKD&MAR	2	(26, 8, 60)	x
30	000567	4. Nguyên lý thống kê	DL&KS	2	(26, 8, 60)	x
31	001981	5. Kinh tế du lịch	DL&KS	3	(39, 12, 90)	x
32	001983	6. Marketing du lịch	DL&KS	3	(39, 12, 90)	x
33	003209	7. Pháp luật du lịch	DL&KS	2	(39, 12, 90)	x
		Các học phần tự chọn:		***10***		
34	002003	1. Thương mại điện tử - DLKS	DL&KS	2	(26, 8, 60)	x
35	000568	2. Pháp luật kinh tế	DL&KS	2	(26, 8, 60)	
36	002102	3. Lịch sử văn minh thế giới	DL&KS	2	(26, 8, 60)	x
37	001879	4. Nguyên lý thống kê kinh tế	DL&KS	2	(26, 8, 60)	
38	001109	5. Tài chính - Tiền tệ	TCNH&BH	3	(39, 12, 90)	x
39	000681	6. Lý thuyết hạch toán kế toán	KTKT	3	(39, 12, 90)	x

TT	Mã học phần	Học phần	Khoa/ Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT,TH/TL, Tự học)	Ghi chú
40	000666	7.Tài chính doanh nghiệp	TCNH&BH	3	(39,12,90)	
41	002472	8. Quản trị dịch vụ	DL&KS	3	(39, 12, 90)	
		2.2. Kiến thức ngành		**72**		
		2.2.1. Kiến thức chung của ngành		**47**		
		Các học phần bắt buộc		***33***		
42	002069	1. Quản trị kinh doanh khách sạn	DL&KS	3	(39, 12, 90)	x
43	003214	2. Thực hành kinh doanh DL trực tuyến	DL&KS	2	(0, 60, 60)	x
44	002006	3. Tin học ứng dụng trong du lịch	DL&KS	2	(0, 60, 60)	x
45	002473	4. Kiến tập doanh nghiệp - QTKS	DL&KS	2	(0, 60, 0)	x
46	002678	5. Quản trị buồng khách sạn	DL&KS	4	(30,120,90)	x
48	003263	7. Thực tập nghiệp vụ khách sạn 1	DL&KS	3	(0,180,0)	x
49	002680	8. Lễ tân khách sạn	DL&KS	4	(30,120,60)	x
51	003300	10. Thực tập nghiệp vụ khách sạn 2	DL&KS	3	(0,180,0)	x
52	002682	11. Quản trị nhà hàng	DL&KS	4	(30,120,60)	x
54	003310	13. Thực tập nghiệp vụ khách sạn 3	DL&KS	3	(0,180,0)	x
55	002481	14. Thực tập quản lý khách sạn	DL&KS	3	(0, 90, 0)	x
		Các học phần (ngoại ngữ) tự chọn		***6***		
56	002004	1. Tiếng Anh du lịch căn bản 1	DL&KS	3	(39, 12, 90)	x
57	002005	2. Tiếng Anh du lịch căn bản 2	DL&KS	3	(39, 12, 90)	x
58	001545	3. Tiếng Trung 1	NN	3	(39, 12, 90)	
59	001894	4. Tiếng Trung 2	NN	3	(39, 12, 90)	

TT	Mã học phần	Học phần	Khoa/ Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT,TH/TL, Tự học)	Ghi chú
		Các học phần tự chọn *(chọn 8TC trong các học phần)*		***8***		
60	002470	1. Tổng quan cơ sở lưu trú	DL&KS	2	(26, 8, 60)	x
61	001978	2. Hành vi tiêu dùng trong du lịch	DL&KS	2	(26, 8, 60)	
62	001993	3. Tâm lý và giao tiếp trong du lịch	DL&KS	2	(26, 8, 60)	x
63	002688	4. Hướng dẫn du lịch	DL&KS	2	(26,8,60)	x
64	003221	5. Văn hóa du lịch	DL&KS	3	(39,12,90)	
65	001991	6. Quản trị rủi ro trong du lịch	DL&KS	3	(39,12,90)	
66	001986	7. Quản trị chiến lược trong tổ chức DL	DL&KS	3	(39,12,90)	
67	001989	8. Quản trị nguồn nhân lực trong doanh nghiệp du lịch	DL&KS	3	(39, 12, 90)	
68	003237	9. Tổ chức và điều hành tour	DL&KS	2	(26,8,60)	x
		2.2.2. Kiến thức chuyên ngành (chọn 1 trong 2 module)		**25**		
		Module 1: Lễ tân đối ngoại		**25**		
		1. Các học phần bắt buộc		**5**		
69	003238	1. Nghiệp vụ lễ tân ngoại giao	DL&KS	2	(0, 60, 60)	x
70	003239	2. Quản trị quan hệ khách hàng (CRM)	DL&KS	3	(39, 12, 90)	X
		2. Các học phần tự chọn (chọn 6 TC trong các học phần)		**6**		
71	003240	1. Diễn giảng công cộng	DL&KS	3	(39, 12, 90)	X
72	003241	2. Văn hóa thưởng thức tiệc ngoại giao	DL&KS	3	(39, 12, 90)	x
73	003242	3. Tổng quan về tổ chức sự kiện	DL&KS	3	(39, 12, 90)	
74	003243	4. Quản lý dự án sự kiện	DL&KS	3	(39, 12, 90)	
75	**002076**	**3. Thực tập cuối khóa ngành QTKS**	DL&KS	**5**	(0, 300, 0)	x

TT	Mã học phần	Học phần	Khoa/ Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT,TH/TL, Tự học)	Ghi chú
76	**002482**	**4. Khóa luận tốt nghiệp ngành QTKS**	DL&KS	**9**	(0, 540, 0)	x
		*Các dự án thay thế khóa luận tốt nghiệp (**Chọn 1 trong 3 dự án**)*				
77	003244	4.1. Dự án Quản trị chất lượng dịch vụ	DL&KS	9	(0,540,0)	x
78	003245	4.2. Dự án phân tích hiệu quả hoạt động của khách sạn	DL&KS	9	(0,540,0)	x
79	003246	4.3. Dự án Quản trị an ninh, an toàn trong khách sạn	DL&KS	9	(0,540,0)	x
		Module 2: Quản trị sự kiện		**25**		
		1. Các học phần bắt buộc		**5**		
80	003242	1. Tổng quan về tổ chức sự kiện	DL&KS	3	(39, 12, 90)	x
81	003247	2. Thực hành tổ chức sự kiện	DL&KS	2	(0, 60, 60)	x
		2. Các học phần tự chọn (chọn 6 TC trong các học phần)		**6**		
82	003243	1. Quản lý dự án sự kiện	DL&KS	3	(39, 12, 90)	x
83	003248	2. Marketing và truyền thông sự kiện	DL&KS	3	(39, 12, 90)	x
84	003239	3. Quản trị quan hệ khách hàng (CRM)	DL&KS	3	(39, 12, 90)	
85	003240	4. Diễn giảng công cộng	DL&KS	3	(39, 12, 90)	
86	**002076**	**3. Thực tập cuối khóa ngành QTKS**	DL&KS	**5**	(0, 300, 0)	x
87	**002482**	**4. Khóa luận tốt nghiệp ngành QTKS**	DL&KS	**9**	(0, 540, 0)	x
		*Các dự án thay thế khóa luận tốt nghiệp (**Chọn 1 trong 3 dự án**)*				
88	003244	4.1. Dự án Quản trị chất lượng dịch vụ	DL&KS	9	(0,540,0)	x
89	003245	4.2. Dự án phân tích hiệu quả hoạt động của khách sạn	DL&KS	9	(0,540,0)	x
90	003246	4.3. Dự án Quản trị an ninh, an toàn trong khách sạn	DL&KS	9	(0,540,0)	x

9. Hướng dẫn thực hiện

9.1. Nguyên tắc chung

- Hướng đào tạo: Chương trình đào tạo được xây dựng theo hướng ứng dụng, do vậy khi thực hiện chương trình cần chú ý:

- Theo hướng ứng dụng nhiều hơn hướng tiềm năng.
- Kiến thức cơ sở được rút gọn ở mức độ hợp lý.
- Khối kiến thức ngành sẽ được tăng lên, chủ yếu ở phần thực hành.

- Các căn cứ khi thực hiện chương trình:

+ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

+ Khung trình độ Quốc gia Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 do Chính phủ ban hành;

+ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

+ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

+ Quyết định số 832/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 20 tháng 9 năm 2023 của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp;

- Nội dung khi thực hiện chương trình: Các phòng, khoa, tổ bộ môn phải thực hiện đúng theo chương trình đào tạo và đề cương chi tiết các học phần đã được duyệt. Nếu có những nội dung cần phải thay đổi, phải đề nghị Ban Giám hiệu duyệt trước khi thực hiện.

- Kế hoạch đào tạo và phân công giáo viên lên lớp: Phải được bố trí hợp lý về chuyên môn, theo đặc thù từng ngành, từng đơn vị và phải được Ban Giám hiệu duyệt trước khi thực hiện.

- Các Khoa, Tổ bộ môn xây dựng đầy đủ bài giảng, ngân hàng dữ liệu đề thi cho toàn bộ các học phần và tổ chức giảng dạy theo các phương pháp mới, tích cực hoá các hoạt động của sinh viên, hướng dẫn sinh viên tự đọc, nghiên cứu tài liệu.

9.2. Kế hoạch đào tạo

- Toàn bộ chương trình được thực hiện trong 4 năm, chia thành 8 kỳ học. Mỗi năm học được chia thành 2 học kỳ và có thể tổ chức học tập thêm trong kỳ nghỉ hè cho một số sinh viên nếu xét thấy cần thiết:

- Học kỳ I bao gồm các nội dung:
  - Sinh hoạt chính trị đầu năm: 01 tuần;
  - Học tập: 15 tuần;
  - Thi học kỳ, dự trữ:
- Học kỳ II bao gồm các nội dung:
  - Nghỉ tết: 02 tuần;
  - Sinh hoạt lớp, LĐ công ích: 01 tuần;
  - Học tập: 15 tuần;
  - Thi học kỳ, dự trữ:
  - Thi lại của học kỳ I (Được tổ chức sau khi nghỉ tết khoảng 3 tuần)
- Học kỳ phụ bao gồm các nội dung:

- Nghỉ hè;
- Thi lại của học kỳ II (Được tổ chức ngay đầu kỳ nghỉ hè);
- Tổ chức học bù, học phụ đạo, học vượt ... ;
- Thi học kỳ phụ.

- Ngoài ra, tùy theo tình hình, Nhà trường có thể mở thêm các kỳ học tăng cường, học cải thiện để đáp ứng nhu cầu học tập của sinh viên.

Chú ý:

- Học kỳ I năm học thứ nhất chỉ có 15 tuần (do thời điểm sinh viên vào khoá học muộn hơn so với thời điểm bắt đầu học kỳ I);
- Học kỳ II năm học thứ tư không bố trí kỳ nghỉ hè, kế hoạch được tổ chức liên tục đến khi tốt nghiệp.

- Quy định thực hiện các học phần:

o Các học phần lý thuyết: Tại lớp học không quá 30 tiết/ tuần và đảm bảo không quá 15 giờ/tuần/học phần. Được chia thành các phần: Lý thuyết, Bài tập + Kiểm tra, Thực hành môn học.

o Các học phần thực tập, bài tập lớn: Tại phòng thực hành của Nhà trường và các doanh nghiệp, thời gian không quá 40 giờ/ tuần.

9.3. Chế độ công tác giảng viên

Thực hiện theo Quy chế chi tiêu nội bộ hiện hành của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

Hà Nội, ngày 30 tháng 05 năm 2026

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

TS. Trần Hoàng Long

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KINH TẾ - KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên chương trình đào tạo: Cử nhân Quản trị khách sạn

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Quản trị khách sạn **Mã ngành:** 7810201

Hình thức đào tạo: Chính quy

(Ban hành kèm theo Quyết định số 547/QĐ-ĐHKTKTCN, ngày 30 tháng 05 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp)

(Áp dụng đối với khóa 19)

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo ngành **Quản trị khách sạn** của Trường Đại học Kinh tế – Kỹ thuật Công nghiệp được thiết kế theo định hướng ứng dụng, nhằm trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng nền tảng vững chắc về **kinh tế, quản trị kinh doanh trong lĩnh vực du lịch khách sạn**, cùng năng lực nghiên cứu ứng dụng, đổi mới sáng tạo và thực hành nghề nghiệp. Sinh viên tốt nghiệp sẽ làm chủ khả năng giải quyết hiệu quả các vấn đề liên quan đến kinh doanh du lịch - khách sạn và phục vụ khách hàng bằng cách vận dụng tích hợp tư duy STEM, năng lực số và nền tảng về Trí tuệ nhân tạo, sẵn sàng thích ứng và làm việc trong môi trường số đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động trong nước và hội nhập quốc tế.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Sau khi tốt nghiệp cử nhân ngành Quản trị khách sạn từ 2-3 năm, người học có khả năng:

PO1: Có khả năng áp dụng được kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, chính trị và pháp luật để giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực du lịch và khách sạn.

PO2: Có khả năng áp dụng được các kiến thức ngành và chuyên ngành về quản lý, kinh doanh trong lĩnh vực dịch vụ du lịch và khách sạn để thực hiện các công việc chuyên môn trong những bối cảnh khác nhau tại doanh nghiệp, đơn vị.

PO3: Có kỹ năng làm việc hiệu quả trong môi trường số hóa và đa văn hóa.

PO4: Vận dụng thành thạo các kỹ năng chuyên môn và tư duy quản trị để tổ chức, điều hành hiệu quả hoạt động kinh doanh dịch vụ du lịch - khách sạn, đồng thời đề xuất các giải pháp đổi mới sáng tạo.

PO5: Thể hiện khả năng làm việc độc lập hoặc hợp tác nhóm, có năng lực sáng tạo để giải quyết những vấn đề thuộc ngành du lịch; đồng thời tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, có khả năng tự học suốt đời và phát huy tinh thần khởi nghiệp để chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với tập thể.

2. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

2.1. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Sinh viên tốt nghiệp ngành Quản trị khách sạn có khả năng:

STT	Kí hiệu	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) và Chỉ số thực hiện (PIs)	Mức độ năng lực của CĐR
Kiến thức chung			
1	**PLO1**	**Áp dụng được kiến thức nền tảng về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật, khoa học tự nhiên để giải quyết các vấn đề thực tiễn của ngành du lịch - khách sạn trong môi trường kinh doanh hội nhập**	**3**
		PI1.1: Áp dụng kiến thức về khoa học xã hội, chính trị và pháp luật để đề xuất các giải pháp cho các vấn đề tại doanh nghiệp/đơn vị trong ngành du lịch, phù hợp quy định pháp luật và chuẩn mực nghề nghiệp.	3
		PI1.2: Áp dụng kiến thức về khoa học tự nhiên trong lĩnh vực du lịch phù hợp với bối cảnh của tổ chức, doanh nghiệp chuyên môn và phù hợp bối cảnh tổ chức.	3
Kiến thức chuyên môn			
2	**PLO2**	**Áp dụng kiến thức nền tảng về kinh tế, quản lý, marketing và dịch vụ để phân tích hoạt động kinh doanh du lịch.**	**3**
		PI 2.1: Áp dụng kiến thức cơ bản về khoa học kinh tế và quản lý trong việc phân tích hoạt động kinh doanh du lịch.	3
		PI 2.2: Áp dụng kiến thức về quản trị dịch vụ, du lịch để đề xuất các quyết định quản lý và phát triển hoạt động du lịch.	3
3	**PLO3**	**Áp dụng các kiến thức chung về khách sạn, nhà hàng để thực hiện các hoạt động kinh doanh của khách sạn.**	**3**

		PI3.1: Áp dụng những kiến thức chung của ngành trong kinh doanh khách sạn	3
		PI3.2: Áp dụng những kiến thức chuyên sâu về quản trị, kinh doanh và quản lý trong kinh doanh khách sạn	3
4	**PLO4.01**	**Định hướng Lễ tân đối ngoại** **Phân tích môi trường kinh doanh, tổ chức, điều hành và giám sát hiệu quả các hoạt động lễ tân và dịch vụ khách hàng trong khách sạn.**	**4**
		PI4.1.01: Phân tích môi trường kinh doanh và hành vi khách hàng trong bối cảnh hội nhập quốc tế.	4
		PI4.2.01: Áp dụng phần mềm quản lý lễ tân (PMS, CRM) trong quản lý dịch vụ tiền sảnh.	3
		PI4.3.01: Tổ chức quy trình phục vụ khách hàng theo lễ nghi ngoại giao.	3
	PLO4.02	**Định hướng Tổ chức sự kiện** **Áp dụng kiến thức về quản trị, truyền thông và công nghệ để thiết kế và điều hành sự kiện du lịch – khách sạn.**	**4**
		PI4.1.02: Phân tích xu hướng và môi trường kinh doanh MICE & sự kiện du lịch.	4
		PI4.2.02: Thiết kế và điều phối dự án sự kiện bằng các công cụ quản trị dự án.	3
		PI4.3.02: Điều phối nguồn lực và quy trình tổ chức sự kiện.	3
Kỹ năng chung			
5	**PLO5**	**Vận dụng khả năng giao tiếp, tư duy phản biện và tinh thần khởi nghiệp để lãnh đạo đội nhóm giải quyết các vấn đề phức tạp trong vận hành khách sạn và dịch vụ khách hàng.**	**3**
		PI 5.1: Trình bày, phản biện và truyền đạt các ý tưởng, giải pháp chuyên môn một cách rõ ràng, logic, thuyết phục để giải quyết vấn đề phức tạp.	3
		PI 5.2: Điều hành, tổ chức công việc nhóm, và đánh giá, phân loại chất lượng sản phẩm công việc, thể hiện tinh thần khởi nghiệp.	3
6	**PLO6**	**Vận dụng tích hợp tư duy STEM, trí tuệ nhân tạo (AI) và năng lực số để giải quyết các vấn đề chuyên môn và nâng cao hiệu quả công việc.**	**3**

		PI 6.1: Vận dụng tư duy STEM và sử dụng các công cụ trí tuệ nhân tạo (AI) để tạo ra các sản phẩm/giải pháp số hỗ trợ công việc chuyên môn..	3
		PI 6.2: Sử dụng thành thạo các phần mềm và các thiết bị, công cụ hỗ trợ trong công việc chuyên môn về du lịch khách sạn.	3
7	**PLO7**	**Sử dụng ngoại ngữ Bậc 3/6 để giao tiếp cơ bản, phục vụ công việc và tương tác trong môi trường nghề nghiệp.**	**3**
		PI 7.1: Đọc và hiểu các tài liệu tiếng Anh thông dụng liên quan đến công việc.	3
		PI7.2: Giao tiếp hiệu quả bằng tiếng Anh trong các tình huống thường gặp ở nơi làm việc.	3
Kỹ năng chuyên môn			
8	**PLO8**	**Vận dụng các nguyên tắc, kỹ thuật quản lý và lãnh đạo để tổ chức, điều hành và giám sát hiệu quả các hoạt động chuyên môn.**	**3**
		PI8.1: Tổ chức và giám sát hiệu quả các hoạt động nghiệp vụ (lễ tân, buồng, nhà hàng...) theo quy trình vận hành tiêu chuẩn.	**3**
		PI8.2: Vận dụng các quy trình quản lý tiêu chuẩn để nhận diện và đề xuất các giải pháp giải quyết hiệu quả các vấn đề phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh dịch vụ du lịch - khách sạn.	**3**
9	**PLO9**	**Thực hiện thành thạo các kỹ năng nghiệp vụ Lễ tân, nghiệp vụ Nhà hàng, nghiệp vụ Buồng trong khách sạn đạt chuẩn từ 3 sao trở lên hoặc các cơ sở lưu trú du lịch đạt chuẩn tương đương**	**3**
		PI9.1: Tuân thủ đúng quy trình nghiệp vụ lễ tân, nghiệp vụ nhà hàng, nghiệp vụ buồng trong các khách sạn 3 sao trở lên	3
		PI9.2: Thành thạo các kỹ thuật nghiệp vụ lễ tân, nghiệp vụ nhà hàng, nghiệp vụ buồng trong khách sạn	3
10	**PLO10.01**	**Định hướng Lễ tân đối ngoại** **Xử lý các tình huống trong lễ tân đối ngoại liên quan đến quá trình phục vụ tại khách sạn.**	**4**
		PI10.1.01: Xây dựng các phương án phục vụ trong lễ tân đối ngoại	4

		PI10.2.01: Vận dụng được các kỹ năng để xử lý tình huống phát sinh trong lễ tân đối ngoại	3
	PLO10.02	**Định hướng Tổ chức sự kiện** **Xử lý các tình huống khi tổ chức sự kiện liên quan đến quá trình phục vụ của khách sạn.**	**4**
		PI10.1.02: Tư vấn, thiết kế các chương trình khi tổ chức sự kiện	4
		PI10.2.02: Vận dụng được các kỹ năng để xử lý tình huống phát sinh trong quá trình tổ chức sự kiện	3
Mức tự chủ và trách nhiệm			
11	**PLO11**	**Thể hiện sự chủ động trong công việc, sẵn sàng thích ứng và hợp tác hiệu quả để giải quyết các vấn đề phát sinh trong kinh doanh du lịch và Khách sạn**	**3**
		PI11.1: Thể hiện được khả năng tự nghiên cứu, học tập, thích ứng với sự thay đổi trong công việc.	3
		PI11.2: Trình bày được các ý kiến phản biện, các quan điểm cá nhân và bảo vệ được các quan điểm trong công tác chuyên môn	3
12	**PLO12**	**Tuân thủ pháp luật, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, thể hiện trách nhiệm với xã hội và ngành du lịch**.	**3**
		PI12.1: Tuân thủ các quy định về đạo đức nghề nghiệp, pháp luật của nhà nước.	3
		PI12.2: Thể hiện trách nhiệm và tích cực tham gia vào hoạt động đóng góp cho xã hội và ngành du lịch	3

2.2. Trình độ tin học, ngoại ngữ

- Trình độ tin học: Đào tạo người học đạt chuẩn trình độ về tin học về Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản *(theo thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT BGDĐT-BTTTT)* và các quy định hiện hành của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp

- Trình độ ngoại ngữ: Đào tạo người học đạt trình độ tối thiểu tương đương bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam *(theo thông tư Số: 33/2026/TT-BGDT)* và các quy định hiện hành của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp

2.3. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp hướng tới đào tạo nguồn nhân lực theo định hướng ứng dụng. Vì vậy, chương trình đào tạo cử nhân Quản trị khách sạn được xây dựng nhằm hướng đến kết quả là người học sau khi tốt nghiệp có thể đảm nhận các vị trí công việc chuyên môn tại các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lưu trú phục vụ du lịch và các tổ

chức kinh tế - xã hội khác trong lĩnh vực du lịch khách sạn. Với những kiến thức về chuyên ngành được đào tạo, người học có thể đảm nhận được những vị trí công việc như sau:

- Nhân viên, quản lý, giám sát, điều hành trong các bộ phận kinh doanh của doanh nghiệp du lịch, khách sạn, nhà hàng, resort, khu nghỉ dưỡng, khu du lịch như lễ tân, buồng, quản trị nhân sự, dịch vụ bổ sung, tổ chức sự kiện;

- Chuyên viên, quản lý tại các cơ quan quản lý nhà nước về du lịch như Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Cục Du lịch quốc gia, các Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Hiệp hội du lịch, Hiệp hội khách sạn;

- Tham gia giảng dạy chuyên ngành khách sạn các tại các cơ sở đào tạo phù hợp;

- Tự khởi nghiệp thành lập doanh nghiệp du lịch, khách sạn, nhà hàng, resort, khu nghỉ dưỡng, khu du lịch.

2.4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

Trên nền tảng các kiến thức và kỹ năng đã được trang bị, sinh viên ngành Quản trị khách sạn sau khi tốt nghiệp có khả năng:

- Tiếp tục học tập ở bậc cao hơn (Thạc sĩ, Tiến sĩ) và có điều kiện liên thông sang các ngành đào tạo khác trong khối ngành Kinh tế;

- Tự nghiên cứu, học tập, bổ sung các tri thức và kỹ năng còn thiếu nhằm đáp ứng với yêu cầu của vị trí công tác và quy hoạch phát triển nhân sự ở đơn vị công tác.

3. Ma trận tương thích giữa chuẩn đầu ra và mục tiêu của chương trình đào tạo

Mục tiêu của CTĐT	**Chuẩn đầu ra của CTĐT**											
	PLO1	**PLO2**	**PLO3**	**PLO4**	**PLO5**	**PLO6**	**PLO7**	**PLO8**	**PLO9**	**PLO10**	**PLO11**	**PLO12**
Chương trình đào tạo ngành Quản trị khách sạn của Trường Đại học Kinh tế – Kỹ thuật Công nghiệp được thiết kế theo định hướng ứng dụng, nhằm trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng nền tảng vững chắc về kinh tế, quản trị kinh doanh trong lĩnh vực du lịch khách sạn, cùng năng lực nghiên cứu ứng dụng, đổi mới sáng tạo và thực hành nghề nghiệp.Sinh viên tốt nghiệp sẽ làm chủ khả năng giải quyết hiệu quả các vấn đề liên quan đến kinh doanh du lịch - khách sạn và phục vụ khách hàng bằng cách vận dụng tích hợp tư duy STEM, năng lực số và nền tảng về Trí tuệ nhân tạo, sẵn sàng thích ứng và làm việc trong môi trường số đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động trong nước và hội nhập quốc tế.											
Mục tiêu cụ thể	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12

PO1	Có khả năng áp dụng được kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, chính trị và pháp luật để giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực du lịch và khách sạn.	x										
PO2	Có khả năng áp dụng được các kiến thức ngành và chuyên ngành về quản lý, kinh doanh trong lĩnh vực dịch vụ du lịch và khách sạn để thực hiện các công việc chuyên môn trong những bối cảnh khác nhau tại doanh nghiệp, đơn vị.		x	x	x							
PO3	Có kỹ năng làm việc hiệu quả trong môi trường số hóa và đa văn hóa.					x	x	x				
PO4	Vận dụng thành thạo các kỹ năng chuyên môn và tư duy quản trị để tổ chức, điều hành hiệu quả hoạt động kinh doanh dịch vụ du lịch - khách sạn, đồng thời đề xuất các giải pháp đổi mới sáng tạo.								x	x	x		
PO5	Thể hiện khả năng làm việc độc lập hoặc hợp tác nhóm, có năng lực sáng tạo để giải quyết những vấn đề thuộc ngành du lịch; đồng thời tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, có khả năng tự học suốt đời và phát huy tinh thần khởi nghiệp để chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với tập thể.											x	x

4. Khối lượng kiến thức toàn khoá: 136 tín chỉ *(Chưa bao gồm khối lượng kiến thức Giáo dục thể chất (4 TC) và Giáo dục Quốc phòng – An ninh (8 TC))*

Trong đó:

- Khối kiến thức giáo dục đại cương: 38 tín chỉ (27,94%)
- Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 98 tín chỉ (72,06%)
  - *Phần lý thuyết* *56 tín chỉ*
  - *Phần thực hành, thực tập, đồ án:* *33 tín chỉ*
  - *Khoá luận tốt nghiệp* *09 tín chỉ*

5. Đối tượng tuyển sinh: Người học đảm bảo Chuẩn đầu vào chương trình đào tạo đại học – Người học phải tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

- Đào tạo theo học chế tín chỉ.

- Điều kiện tốt nghiệp: Thực hiện theo Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học; Quyết định số 832/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 20 tháng 9 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

7. Cách thức đánh giá: Theo thang điểm 10**,** thang điểm 4 và thang điểm chữ được quy định cụ thể trong Quy chế đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

8. Nội dung chương trình

TT	Mã học phần	Học phần	Khoa/ Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT,TH/TL, Tự học)	Ghi chú
	1. Kiến thức giáo dục đại cương (38 tín chỉ) *(chưa bao gồm khối lượng kiến thức GDTC, GDQP-AN)*			**38**		
		1.1. Lý luận chính trị		**11**		
1	001535	1. Triết học Mác-Lênin	LLCT &PL	3	(33, 24, 90)	x
2	001536	2. Kinh tế chính trị Mác-Lênin	LLCT &PL	2	(21, 18, 60)	x
3	001537	3. Chủ nghĩa xã hội khoa học	LLCT &PL	2	(21, 18, 60)	x
4	000573	4. Tư tưởng Hồ Chí Minh	LLCT &PL	2	(21, 18, 60)	x
5	001538	5. Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	LLCT &PL	2	(21, 18, 60)	x
		1.2. Khoa học xã hội		**2**		
6	000585	1. Pháp luật đại cương	LLCT &PL	2	(26, 8, 60)	x
		1.3. Khoa học tự nhiên – Toán học - Tin học		**4**		
	002967	1. Nhập môn công nghệ số và ứng dụng AI	KHƯD	1	(15, 0, 30)	
		Chọn 4TC trong các học phần		4		
7	002468	1. Toán ứng dụng cho ngành DL & KS	KHƯD	2	(26, 8, 60)	x
8	001053	2. Đại số tuyến tính	KHƯD	2	(26, 8, 60)	
9	002974	3. Phương pháp nghiên cứu khoa học trong Kinh tế - xã hội	DLKS	2	(26, 8, 60)	x
		1.4. Ngoại ngữ		**16**		
10	001942	1. Tiếng Anh 1	NN	4	(48, 24, 120)	x
11	001943	2. Tiếng Anh 2	NN	4	(48, 24, 120)	x
12	001944	3. Tiếng Anh 3	NN	4	(48, 24, 120)	x
13	001945	4. Tiếng Anh 4	NN	4	(48, 24, 120)	x
		1.5. Kiến thức bổ trợ		**5**		

TT	Mã học phần	Học phần	Khoa/ Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT,TH/TL, Tự học)	Ghi chú
14	002151	1. Kỹ năng nhận thức bản thân	KHƯD	1	(15, 0, 30)	x
15	002469	2. Kỹ năng nghề nghiệp - QTKS	DL&KS	1	(15, 0, 30)	x
16	002129	3. Kỹ năng phỏng vấn xin việc	KHƯD	1	(15, 0, 30)	x
17	002969	4. Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	KHƯD	1	(15, 0, 30)	
18	001382	5. Cơ sở văn hóa Việt Nam - DLKS	DL&KS	2	(26, 8, 60)	x
		1.6. Giáo dục thể chất	**GDTC**	**4**		
19	000718	1. Giáo dục thể chất 1	GDTC	1	(0, 30, 30)	x
20	000719	2. Giáo dục thể chất 2	GDTC	1	(0, 30, 30)	x
21	000739	3. Giáo dục thể chất 3	GDTC	1	(0, 30, 30)	x
22	000740	4. Giáo dục thể chất 4	GDTC	1	(0, 30, 30)	x
		1.7. Giáo dục quốc phòng	**GDQP**	**8**		
23	002200	1. Giáo dục quốc phòng - HP1	GDQP	3	(37, 16, 0)	x
24	002201	2. Giáo dục quốc phòng - HP2	GDQP	2	(22, 16, 0)	x
25	002202	3. Giáo dục quốc phòng - HP3	GDQP	1	(7, 16, 0)	x
26	002203	4. Giáo dục quốc phòng - HP4	GDQP	2	(4, 56, 0)	x
	2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (98 tín chỉ)			**98**		
		2.1. Kiến thức cơ sở ngành Kinh tế & Quản lý du lịch		**24**		
		Các học phần bắt buộc		***16***		
27	000564	1. Kinh tế vi mô	DL&KS	2	(26, 8, 60)	x
28	000565	2. Kinh tế vĩ mô	DL&KS	2	(26, 8, 60)	x
29	000493	3. Quản trị học	QTKD&MAR	2	(26, 8, 60)	x

TT	Mã học phần	Học phần	Khoa/ Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT,TH/TL, Tự học)	Ghi chú
30	000567	4. Nguyên lý thống kê	DL&KS	2	(26, 8, 60)	x
31	001981	5. Kinh tế du lịch	DL&KS	3	(39, 12, 90)	x
32	001983	6. Marketing du lịch	DL&KS	3	(39, 12, 90)	x
33	003209	7. Pháp luật du lịch	DL&KS	2	(26, 8, 60)	x
		Các học phần tự chọn:		***8***		
34	002003	1. Thương mại điện tử - DLKS	DL&KS	2	(26, 8, 60)	x
35	000568	2. Pháp luật kinh tế	DL&KS	2	(26, 8, 60)	
36	002102	3. Lịch sử văn minh thế giới	DL&KS	2	(26, 8, 60)	
37	001879	4. Nguyên lý thống kê kinh tế	DL&KS	2	(26, 8, 60)	
38	001109	5. Tài chính - Tiền tệ	TCNH&BH	3	(39, 12, 90)	x
39	000681	6. Lý thuyết hạch toán kế toán	KTKT	3	(39, 12, 90)	x
40	000666	7.Tài chính doanh nghiệp	TCNH&BH	3	(39,12,90)	
41	002472	8. Quản trị dịch vụ	DL&KS	3	(39, 12, 90)	
		2.2. Kiến thức ngành		**74**		
		2.2.1. Kiến thức chung của ngành		**49**		
		Các học phần bắt buộc		***33***		
42	002069	1. Quản trị kinh doanh khách sạn	DL&KS	3	(39, 12, 90)	x
43	003214	2. Thực hành kinh doanh DL trực tuyến	DL&KS	2	(0, 60, 60)	x
44	002006	3. Tin học ứng dụng trong du lịch	DL&KS	2	(0, 60, 60)	x
45	002473	4. Kiến tập doanh nghiệp - QTKS	DL&KS	2	(0, 60, 0)	x
46	003232	5. Quản trị buồng khách sạn	DL&KS	2	(26, 8, 60)	x

TT	Mã học phần	Học phần	Khoa/ Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT,TH/TL, Tự học)	Ghi chú
47	003233	6. Thực hành Nghiệp vụ buồng khách sạn	DL&KS	2	(0, 60, 60)	x
48	003263	7. Thực tập nghiệp vụ khách sạn 1	DL&KS	3	(0,180,0)	x
49	003216	8. Lễ tân khách sạn	DL&KS	2	(26, 8, 60)	x
50	003234	9. Thực hành nghiệp vụ lễ tân khách sạn	DL&KS	2	(0, 60, 60)	x
51	003300	10. Thực tập nghiệp vụ khách sạn 2	DL&KS	3	(0,180,0)	x
52	003235	11. Quản trị nhà hàng	DL&KS	2	(26, 8, 60)	x
53	003236	12. Thực hành nghiệp vụ nhà hàng	DL&KS	2	(0, 60, 60)	x
54	003310	13. Thực tập nghiệp vụ khách sạn 3	DL&KS	3	(0,180,0)	x
55	002481	14. Thực tập quản lý khách sạn	DL&KS	3	(0, 90, 0)	x
		Các học phần (ngoại ngữ) tự chọn		***6***		
56	002004	1. Tiếng Anh du lịch căn bản 1	DL&KS	3	(39, 12, 90)	x
57	002005	2. Tiếng Anh du lịch căn bản 2	DL&KS	3	(39, 12, 90)	x
58	001545	3. Tiếng Trung 1	NN	3	(39, 12, 90)	
59	001894	4. Tiếng Trung 2	NN	3	(39, 12, 90)	
		Các học phần tự chọn *(chọn 10 TC trong các học phần)*		***10***		
60	002470	1. Tổng quan cơ sở lưu trú	DL&KS	2	(26, 8, 60)	x
61	001978	2. Hành vi tiêu dùng trong du lịch	DL&KS	2	(26, 8, 60)	
62	001993	3. Tâm lý và giao tiếp trong du lịch	DL&KS	2	(26, 8, 60)	x
63	002688	4. Hướng dẫn du lịch	DL&KS	2	(26,8,60)	
64	003221	5. Văn hóa du lịch	DL&KS	3	(39,12,90)	

TT	Mã học phần	Học phần	Khoa/ Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT,TH/TL, Tự học)	Ghi chú
65	001991	6. Quản trị rủi ro trong du lịch	DL&KS	3	(39,12,90)	x
66	001986	7. Quản trị chiến lược trong tổ chức DL	DL&KS	3	(39,12,90)	
67	001989	8. Quản trị nguồn nhân lực trong doanh nghiệp du lịch	DL&KS	3	(39,12,90)	x
68	003237	9. Tổ chức và điều hành tour	DL&KS	2	(26, 8, 60)	
		2.2.2. Kiến thức chuyên ngành (chọn 1 trong 2 module)		**25**		
		Module 1: Lễ tân đối ngoại		**25**		
		1. Các học phần bắt buộc		**5**		
69	003238	1. Nghiệp vụ lễ tân ngoại giao	DL&KS	2	(0, 60, 60)	x
70	003239	2. Quản trị quan hệ khách hàng (CRM)	DL&KS	3	(39, 12, 90)	X
		2. Các học phần tự chọn (chọn 6 TC trong các học phần)		**6**		
71	003240	1. Diễn giảng công cộng	DL&KS	3	(39, 12, 90)	x
72	003241	2. Văn hóa thưởng thức tiệc ngoại giao	DL&KS	3	(39, 12, 90)	x
73	003242	3. Tổng quan về tổ chức sự kiện	DL&KS	3	(39, 12, 90)	
74	003243	4. Quản lý dự án sự kiện	DL&KS	3	(39, 12, 90)	
75	**002076**	**3. Thực tập cuối khóa ngành QTKS**	DL&KS	**5**	(0, 300, 0)	x
76	**002482**	**4. Khóa luận tốt nghiệp ngành QTKS**	DL&KS	**9**	(0, 540, 0)	x
		*Các dự án thay thế khóa luận tốt nghiệp (**Chọn 1 trong 3 dự án**)*				
77	003244	4.1. Dự án Quản trị chất lượng dịch vụ	DL&KS	9	(0,540,0)	x
78	003245	4.2. Dự án phân tích hiệu quả hoạt động của khách sạn	DL&KS	9	(0,540,0)	x
79	003246	4.3. Dự án Quản trị an ninh, an toàn trong khách sạn	DL&KS	9	(0,540,0)	x
		Module 2: Quản trị sự kiện		**25**		

TT	Mã học phần	Học phần	Khoa/ Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT,TH/TL, Tự học)	Ghi chú
		1. Các học phần bắt buộc		**5**		
80	003242	1. Tổng quan về tổ chức sự kiện	DL&KS	3	(39, 12, 90)	x
81	003247	2. Thực hành tổ chức sự kiện	DL&KS	2	(0, 60, 60)	x
		2. Các học phần tự chọn (chọn 6 TC trong các học phần)		**6**		
82	003243	1. Quản lý dự án sự kiện	DL&KS	3	(39, 12, 90)	x
83	003248	2. Marketing và truyền thông sự kiện	DL&KS	3	(39, 12, 90)	x
84	003239	3. Quản trị quan hệ khách hàng (CRM)	DL&KS	3	(39, 12, 90)	
85	003240	4. Diễn giảng công cộng	DL&KS	3	(39, 12, 90)	
86	**002076**	**3. Thực tập cuối khóa ngành QTKS**	DL&KS	**5**	(0, 300, 0)	x
87	**002482**	**4. Khóa luận tốt nghiệp ngành QTKS**	DL&KS	**9**	(0, 540, 0)	x
		*Các dự án thay thế khóa luận tốt nghiệp (**Chọn 1 trong 3 dự án**)*				
88	003244	4.1. Dự án Quản trị chất lượng dịch vụ	DL&KS	9	(0,540,0)	x
89	003245	4.2. Dự án phân tích hiệu quả hoạt động của khách sạn	DL&KS	9	(0,540,0)	x
90	003246	4.3. Dự án Quản trị an ninh, an toàn trong khách sạn	DL&KS	9	(0,540,0)	x

9. Hướng dẫn thực hiện

9.1. Nguyên tắc chung

- Hướng đào tạo: Chương trình đào tạo được xây dựng theo hướng ứng dụng, do vậy khi thực hiện chương trình cần chú ý:

- Theo hướng ứng dụng nhiều hơn hướng tiềm năng.
- Kiến thức cơ sở được rút gọn ở mức độ hợp lý.
- Khối kiến thức ngành sẽ được tăng lên, chủ yếu ở phần thực hành.

- Các căn cứ khi thực hiện chương trình:

+ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

+ Khung trình độ Quốc gia Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 do Chính phủ ban hành;

+ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

+ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

+ Quyết định số 832/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 20 tháng 9 năm 2023 của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp;

- Nội dung khi thực hiện chương trình: Các phòng, khoa, tổ bộ môn phải thực hiện đúng theo chương trình đào tạo và đề cương chi tiết các học phần đã được duyệt. Nếu có những nội dung cần phải thay đổi, phải đề nghị Ban Giám hiệu duyệt trước khi thực hiện.

- Kế hoạch đào tạo và phân công giáo viên lên lớp: Phải được bố trí hợp lý về chuyên môn, theo đặc thù từng ngành, từng đơn vị và phải được Ban Giám hiệu duyệt trước khi thực hiện.

- Các Khoa, Tổ bộ môn xây dựng đầy đủ bài giảng, ngân hàng dữ liệu đề thi cho toàn bộ các học phần và tổ chức giảng dạy theo các phương pháp mới, tích cực hoá các hoạt động của sinh viên, hướng dẫn sinh viên tự đọc, nghiên cứu tài liệu.

9.2. Kế hoạch đào tạo

- Toàn bộ chương trình được thực hiện trong 4 năm, chia thành 8 kỳ học. Mỗi năm học được chia thành 2 học kỳ và có thể tổ chức học tập thêm trong kỳ nghỉ hè cho một số sinh viên nếu xét thấy cần thiết:

- Học kỳ I bao gồm các nội dung:
  - Sinh hoạt chính trị đầu năm: 01 tuần;
  - Học tập: 15 tuần;
  - Thi học kỳ, dự trữ:
- Học kỳ II bao gồm các nội dung:
  - Nghỉ tết: 02 tuần;
  - Sinh hoạt lớp, LĐ công ích: 01 tuần;

- Học tập: 15 tuần;
- Thi học kỳ, dự trữ:
- Thi lại của học kỳ I (Được tổ chức sau khi nghỉ tết khoảng 3 tuần)

o Học kỳ phụ bao gồm các nội dung:

- Nghỉ hè;
- Thi lại của học kỳ II (Được tổ chức ngay đầu kỳ nghỉ hè);
- Tổ chức học bù, học phụ đạo, học vượt ... ;
- Thi học kỳ phụ.

- Ngoài ra, tùy theo tình hình, Nhà trường có thể mở thêm các kỳ học tăng cường, học cải thiện để đáp ứng nhu cầu học tập của sinh viên.

Chú ý:

- Học kỳ I năm học thứ nhất chỉ có 15 tuần (do thời điểm sinh viên vào khoá học muộn hơn so với thời điểm bắt đầu học kỳ I);
- Học kỳ II năm học thứ tư không bố trí kỳ nghỉ hè, kế hoạch được tổ chức liên tục đến khi tốt nghiệp.

- Quy định thực hiện các học phần:

o Các học phần lý thuyết: Tại lớp học không quá 30 tiết/ tuần và đảm bảo không quá 15 giờ/tuần/học phần. Được chia thành các phần: Lý thuyết, Bài tập + Kiểm tra, Thực hành môn học.

o Các học phần thực tập, bài tập lớn: Tại phòng thực hành của Nhà trường và các doanh nghiệp, thời gian không quá 40 giờ/ tuần.

9.3. Chế độ công tác giảng viên

Thực hiện theo Quy chế chi tiêu nội bộ hiện hành của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

Hà Nội, ngày 30 tháng 05 năm 2026

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

TS. Trần Hoàng Long

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KINH TẾ - KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên chương trình đào tạo: Cử nhân Quản trị khách sạn

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Quản trị khách sạn **Mã ngành:** 7810201

Hình thức đào tạo: Chính quy

(Ban hành kèm theo Quyết định số 547/QĐ-ĐHKTKTCN, ngày 30 tháng 05 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp)

(Áp dụng từ khóa 20)

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo ngành **Quản trị khách sạn** của Trường Đại học Kinh tế – Kỹ thuật Công nghiệp được thiết kế theo định hướng ứng dụng, nhằm trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng nền tảng vững chắc về **kinh tế, quản trị kinh doanh trong lĩnh vực du lịch khách sạn**, cùng năng lực nghiên cứu ứng dụng, đổi mới sáng tạo và thực hành nghề nghiệp. Sinh viên tốt nghiệp sẽ làm chủ khả năng giải quyết hiệu quả các vấn đề liên quan đến kinh doanh du lịch - khách sạn và phục vụ khách hàng bằng cách vận dụng tích hợp tư duy STEM, năng lực số và nền tảng về Trí tuệ nhân tạo, sẵn sàng thích ứng và làm việc trong môi trường số đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động trong nước và hội nhập quốc tế.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Sau khi tốt nghiệp cử nhân ngành Quản trị khách sạn từ 2-3 năm, người học có khả năng:

PO1: Có khả năng áp dụng được kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, chính trị và pháp luật để giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực du lịch và khách sạn.

PO2: Có khả năng áp dụng được các kiến thức ngành và chuyên ngành về quản lý, kinh doanh trong lĩnh vực dịch vụ du lịch và khách sạn để thực hiện các công việc chuyên môn trong những bối cảnh khác nhau tại doanh nghiệp, đơn vị.

PO3: Có kỹ năng làm việc hiệu quả trong môi trường số hóa và đa văn hóa.

PO4: Vận dụng thành thạo các kỹ năng chuyên môn và tư duy quản trị để tổ chức, điều hành hiệu quả hoạt động kinh doanh dịch vụ du lịch - khách sạn, đồng thời đề xuất các giải pháp đổi mới sáng tạo.

PO5: Thể hiện khả năng làm việc độc lập hoặc hợp tác nhóm, có năng lực sáng tạo để giải quyết những vấn đề thuộc ngành du lịch; đồng thời tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, có khả năng tự học suốt đời và phát huy tinh thần khởi nghiệp để chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với tập thể.

2. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

2.1. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Sinh viên tốt nghiệp ngành Quản trị khách sạn có khả năng:

STT	Kí hiệu	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) và Chỉ số thực hiện (PIs)	Mức độ năng lực của CĐR
Kiến thức chung			
1	**PLO1**	**Áp dụng được kiến thức nền tảng về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật, khoa học tự nhiên để giải quyết các vấn đề thực tiễn của ngành du lịch - khách sạn trong môi trường kinh doanh hội nhập**	**3**
		PI1.1: Áp dụng kiến thức về khoa học xã hội, chính trị và pháp luật để đề xuất các giải pháp cho các vấn đề tại doanh nghiệp/đơn vị trong ngành du lịch, phù hợp quy định pháp luật và chuẩn mực nghề nghiệp.	3
		PI1.2: Áp dụng kiến thức về khoa học tự nhiên trong lĩnh vực du lịch phù hợp với bối cảnh của tổ chức, doanh nghiệp chuyên môn và phù hợp bối cảnh tổ chức.	3
Kiến thức chuyên môn			
2	**PLO2**	**Áp dụng kiến thức nền tảng về kinh tế, quản lý, marketing và dịch vụ để phân tích hoạt động kinh doanh du lịch.**	**3**
		PI 2.1: Áp dụng kiến thức cơ bản về khoa học kinh tế và quản lý trong việc phân tích hoạt động kinh doanh du lịch.	3
		PI 2.2: Áp dụng kiến thức về quản trị dịch vụ, du lịch để đề xuất các quyết định quản lý và phát triển hoạt động du lịch.	3
3	**PLO3**	**Áp dụng các kiến thức chung về khách sạn, nhà hàng để thực hiện các hoạt động kinh doanh của khách sạn.**	**3**
		PI3.1: Áp dụng những kiến thức chung của ngành trong kinh doanh khách sạn	3
		PI3.2: Áp dụng những kiến thức chuyên sâu về quản trị, kinh doanh và quản lý trong kinh doanh khách sạn	3
4	**PLO4.01**	**Định hướng Lễ tân đối ngoại** **Phân tích môi trường kinh doanh, tổ chức, điều hành và giám sát hiệu quả các hoạt động lễ tân và dịch vụ khách hàng trong khách sạn.**	**4**
		PI4.1.01: Phân tích môi trường kinh doanh và hành vi khách hàng trong bối cảnh hội nhập quốc tế.	4

		PI4.2.01: Áp dụng phần mềm quản lý lễ tân (PMS, CRM) trong quản lý dịch vụ tiền sảnh.	3
		PI4.3.01: Tổ chức quy trình phục vụ khách hàng theo lễ nghi ngoại giao.	3
	PLO4.02	**Định hướng Tổ chức sự kiện** **Áp dụng kiến thức về quản trị, truyền thông và công nghệ để thiết kế và điều hành sự kiện du lịch – khách sạn.**	**4**
		PI4.1.02: Phân tích xu hướng và môi trường kinh doanh MICE & sự kiện du lịch.	4
		PI4.2.02: Thiết kế và điều phối dự án sự kiện bằng các công cụ quản trị dự án.	3
		PI4.3.02: Điều phối nguồn lực và quy trình tổ chức sự kiện.	3
Kỹ năng chung			
5	**PLO5**	**Vận dụng khả năng giao tiếp, tư duy phản biện và tinh thần khởi nghiệp để lãnh đạo đội nhóm giải quyết các vấn đề phức tạp trong vận hành khách sạn và dịch vụ khách hàng.**	**3**
		PI 5.1: Trình bày, phản biện và truyền đạt các ý tưởng, giải pháp chuyên môn một cách rõ ràng, logic, thuyết phục để giải quyết vấn đề phức tạp.	3
		PI 5.2: Điều hành, tổ chức công việc nhóm, và đánh giá, phân loại chất lượng sản phẩm công việc, thể hiện tinh thần khởi nghiệp.	3
6	**PLO6**	**Vận dụng tích hợp tư duy STEM, trí tuệ nhân tạo (AI) và năng lực số để giải quyết các vấn đề chuyên môn và nâng cao hiệu quả công việc.**	**3**
		PI 6.1: Vận dụng tư duy STEM và sử dụng các công cụ trí tuệ nhân tạo (AI) để tạo ra các sản phẩm/giải pháp số hỗ trợ công việc chuyên môn..	3
		PI 6.2: Sử dụng thành thạo các phần mềm và các thiết bị, công cụ hỗ trợ trong công việc chuyên môn về du lịch khách sạn.	3
7	**PLO7**	**Sử dụng ngoại ngữ Bậc 3/6 để giao tiếp cơ bản, phục vụ công việc và tương tác trong môi trường nghề nghiệp.**	**3**
		PI 7.1: Đọc và hiểu các tài liệu tiếng Anh thông dụng liên quan đến công việc.	3
		PI7.2: Giao tiếp hiệu quả bằng tiếng Anh trong các tình huống thường gặp ở nơi làm việc.	3
Kỹ năng chuyên môn			

8	**PLO8**	**Vận dụng các nguyên tắc, kỹ thuật quản lý và lãnh đạo để tổ chức, điều hành và giám sát hiệu quả các hoạt động chuyên môn.**	**3**
		PI8.1: Tổ chức và giám sát hiệu quả các hoạt động nghiệp vụ (lễ tân, buồng, nhà hàng...) theo quy trình vận hành tiêu chuẩn.	**3**
		PI8.2: Vận dụng các quy trình quản lý tiêu chuẩn để nhận diện và đề xuất các giải pháp giải quyết hiệu quả các vấn đề phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh dịch vụ du lịch - khách sạn.	**3**
9	**PLO9**	**Thực hiện thành thạo các kỹ năng nghiệp vụ Lễ tân, nghiệp vụ Nhà hàng, nghiệp vụ Buồng trong khách sạn đạt chuẩn từ 3 sao trở lên hoặc các cơ sở lưu trú du lịch đạt chuẩn tương đương**	**3**
		PI9.1: Tuân thủ đúng quy trình nghiệp vụ lễ tân, nghiệp vụ nhà hàng, nghiệp vụ buồng trong các khách sạn 3 sao trở lên	3
		PI9.2: Thành thạo các kỹ thuật nghiệp vụ lễ tân, nghiệp vụ nhà hàng, nghiệp vụ buồng trong khách sạn	3
10	**PLO10.01**	**Định hướng Lễ tân đối ngoại** **Xử lý các tình huống trong lễ tân đối ngoại liên quan đến quá trình phục vụ tại khách sạn.**	**4**
		PI10.1.01: Xây dựng các phương án phục vụ trong lễ tân đối ngoại	4
		PI10.2.01: Vận dụng được các kỹ năng để xử lý tình huống phát sinh trong lễ tân đối ngoại	3
	PLO10.02	**Định hướng Tổ chức sự kiện** **Xử lý các tình huống khi tổ chức sự kiện liên quan đến quá trình phục vụ của khách sạn.**	**4**
		PI10.1.02: Tư vấn, thiết kế các chương trình khi tổ chức sự kiện	4
		PI10.2.02: Vận dụng được các kỹ năng để xử lý tình huống phát sinh trong quá trình tổ chức sự kiện	3
Mức tự chủ và trách nhiệm			
11	**PLO11**	**Thể hiện sự chủ động trong công việc, sẵn sàng thích ứng và hợp tác hiệu quả để giải quyết các vấn đề phát sinh trong kinh doanh du lịch và Khách sạn**	**3**
		PI11.1: Thể hiện được khả năng tự nghiên cứu, học tập, thích ứng với sự thay đổi trong công việc.	3
		PI11.2: Trình bày được các ý kiến phản biện, các quan điểm cá nhân và bảo vệ được các quan điểm trong công tác chuyên môn	3

12	**PLO12**	**Tuân thủ pháp luật, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, thể hiện trách nhiệm với xã hội và ngành du lịch**.	**3**
		PI12.1: Tuân thủ các quy định về đạo đức nghề nghiệp, pháp luật của nhà nước.	3
		PI12.2: Thể hiện trách nhiệm và tích cực tham gia vào hoạt động đóng góp cho xã hội và ngành du lịch	3

2.2. Trình độ tin học, ngoại ngữ

- Trình độ tin học: Đào tạo người học đạt chuẩn trình độ về tin học về Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản *(theo thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT BGDĐT-BTTTT)* và các quy định hiện hành của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp

- Trình độ ngoại ngữ: Đào tạo người học đạt trình độ tối thiểu tương đương bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam *(theo thông tư Số: 33/2026/TT-BGDT)* và các quy định hiện hành của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp

2.3. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp hướng tới đào tạo nguồn nhân lực theo định hướng ứng dụng. Vì vậy, chương trình đào tạo cử nhân Quản trị khách sạn được xây dựng nhằm hướng đến kết quả là người học sau khi tốt nghiệp có thể đảm nhận các vị trí công việc chuyên môn tại các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lưu trú phục vụ du lịch và các tổ chức kinh tế - xã hội khác trong lĩnh vực du lịch khách sạn. Với những kiến thức về chuyên ngành được đào tạo, người học có thể đảm nhận được những vị trí công việc như sau:

- Nhân viên, quản lý, giám sát, điều hành trong các bộ phận kinh doanh của doanh nghiệp du lịch, khách sạn, nhà hàng, resort, khu nghỉ dưỡng, khu du lịch như lễ tân, buồng, quản trị nhân sự, dịch vụ bổ sung, tổ chức sự kiện;

- Chuyên viên, quản lý tại các cơ quan quản lý nhà nước về du lịch như Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Cục Du lịch quốc gia, các Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Hiệp hội du lịch, Hiệp hội khách sạn;

- Tham gia giảng dạy chuyên ngành khách sạn các tại các cơ sở đào tạo phù hợp;

- Tự khởi nghiệp thành lập doanh nghiệp du lịch, khách sạn, nhà hàng, resort, khu nghỉ dưỡng, khu du lịch.

2.4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

Trên nền tảng các kiến thức và kỹ năng đã được trang bị, sinh viên ngành Quản trị khách sạn sau khi tốt nghiệp có khả năng:

- Tiếp tục học tập ở bậc cao hơn (Thạc sĩ, Tiến sĩ) và có điều kiện liên thông sang các ngành đào tạo khác trong khối ngành Kinh tế;

- Tự nghiên cứu, học tập, bổ sung các tri thức và kỹ năng còn thiếu nhằm đáp ứng với yêu cầu của vị trí công tác và quy hoạch phát triển nhân sự ở đơn vị công tác.

3. Ma trận tương thích giữa chuẩn đầu ra và mục tiêu của chương trình đào tạo

Mục tiêu của CTĐT		**Chuẩn đầu ra của CTĐT**											
		PLO1	**PLO2**	**PLO3**	**PLO4**	**PLO5**	**PLO6**	**PLO7**	**PLO8**	**PLO9**	**PLO10**	**PLO11**	**PLO12**
Chương trình đào tạo ngành Quản trị khách sạn của Trường Đại học Kinh tế – Kỹ thuật Công nghiệp được thiết kế theo định hướng ứng dụng, nhằm trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng nền tảng vững chắc về kinh tế, quản trị kinh doanh trong lĩnh vực du lịch khách sạn, cùng năng lực nghiên cứu ứng dụng, đổi mới sáng tạo và thực hành nghề nghiệp.Sinh viên tốt nghiệp sẽ làm chủ khả năng giải quyết hiệu quả các vấn đề liên quan đến kinh doanh du lịch - khách sạn và phục vụ khách hàng bằng cách vận dụng tích hợp tư duy STEM, năng lực số và nền tảng về Trí tuệ nhân tạo, sẵn sàng thích ứng và làm việc trong môi trường số đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động trong nước và hội nhập quốc tế.												
Mục tiêu cụ thể		PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12
PO1	Có khả năng áp dụng được kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, chính trị và pháp luật để giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực du lịch và khách sạn.	x											
PO2	Có khả năng áp dụng được các kiến thức ngành và chuyên ngành về quản lý, kinh doanh trong lĩnh vực dịch vụ du lịch và khách sạn để thực hiện các công việc chuyên môn trong những bối cảnh khác nhau tại doanh nghiệp, đơn vị.		x	x	x								
PO3	Có kỹ năng làm việc hiệu quả trong môi trường số hóa và đa văn hóa.					x	x	x					

PO4	Vận dụng thành thạo các kỹ năng chuyên môn và tư duy quản trị để tổ chức, điều hành hiệu quả hoạt động kinh doanh dịch vụ du lịch - khách sạn, đồng thời đề xuất các giải pháp đổi mới sáng tạo.								x	x	x		
PO5	Thể hiện khả năng làm việc độc lập hoặc hợp tác nhóm, có năng lực sáng tạo để giải quyết những vấn đề thuộc ngành du lịch; đồng thời tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, có khả năng tự học suốt đời và phát huy tinh thần khởi nghiệp để chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với tập thể.											x	x

4. Khối lượng kiến thức toàn khoá: 136 tín chỉ *(Chưa bao gồm khối lượng kiến thức Giáo dục thể chất (4 TC) và Giáo dục Quốc phòng – An ninh (8 TC))*

Trong đó:

- Khối kiến thức giáo dục đại cương: 38 tín chỉ (27,94%)
- Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 98 tín chỉ (72,06%)
  - *Phần lý thuyết* *56 tín chỉ*
  - *Phần thực hành, thực tập, đồ án:* *33 tín chỉ*
  - *Khoá luận tốt nghiệp* *09 tín chỉ*

5. Đối tượng tuyển sinh: Người học đảm bảo Chuẩn đầu vào chương trình đào tạo đại học – Người học phải tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

- Đào tạo theo học chế tín chỉ.

- Điều kiện tốt nghiệp: Thực hiện theo Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học; Quyết định số 832/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 20 tháng 9 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

7. Cách thức đánh giá: Theo thang điểm 10**,** thang điểm 4 và thang điểm chữ được quy định cụ thể trong Quy chế đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

8. Nội dung chương trình

TT	Mã học phần	Học phần	Khoa/ Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT,TH/TL, Tự học)	Ghi chú
	1. Kiến thức giáo dục đại cương (38 tín chỉ) *(chưa bao gồm khối lượng kiến thức GDTC, GDQP-AN)*			**38**		
		1.1. Lý luận chính trị		**11**		
1	001535	1. Triết học Mác-Lênin	LLCT &PL	3	(33, 24, 90)	x
2	001536	2. Kinh tế chính trị Mác-Lênin	LLCT &PL	2	(21, 18, 60)	x
3	001537	3. Chủ nghĩa xã hội khoa học	LLCT &PL	2	(21, 18, 60)	x
4	000573	4. Tư tưởng Hồ Chí Minh	LLCT &PL	2	(21, 18, 60)	x
5	001538	5. Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	LLCT &PL	2	(21, 18, 60)	x
		1.2. Khoa học xã hội		**2**		
6	000585	1. Pháp luật đại cương	LLCT &PL	2	(26, 8, 60)	x
		1.3. Khoa học tự nhiên – Toán học - Tin học		**3**		
	002967	1. Nhập môn công nghệ số và ứng dụng AI	KHƯD	1	(15, 0, 30)	x
		Chọn 2TC trong các học phần		2		
7	002468	1. Toán ứng dụng cho ngành DL & KS	KHƯD	2	(26, 8, 60)	
8	001053	2. Đại số tuyến tính	KHƯD	2	(26, 8, 60)	
9	002974	3. Phương pháp nghiên cứu khoa học trong Kinh tế - xã hội	DLKS	2	(26, 8, 60)	x
		1.4. Ngoại ngữ		**16**		
10	001942	1. Tiếng Anh 1	NN	4	(48, 24, 120)	x
11	001943	2. Tiếng Anh 2	NN	4	(48, 24, 120)	x
12	001944	3. Tiếng Anh 3	NN	4	(48, 24, 120)	x
13	001945	4. Tiếng Anh 4	NN	4	(48, 24, 120)	x
		1.5. Kiến thức bổ trợ		**6**		
14	002151	1. Kỹ năng nhận thức bản thân	KHƯD	1	(15, 0, 30)	x
15	002469	2. Kỹ năng nghề nghiệp - QTKS	DL&KS	1	(15, 0, 30)	x
16	002129	3. Kỹ năng phỏng vấn xin việc	KHƯD	1	(15, 0, 30)	x
17	002969	4. Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	KHƯD	1	(15, 0, 30)	x

TT	Mã học phần	Học phần	Khoa/ Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT,TH/TL, Tự học)	Ghi chú
18	001382	5. Cơ sở văn hóa Việt Nam - DLKS	DL&KS	2	(26, 8, 60)	x
		1.6. Giáo dục thể chất	**GDTC**	**4**		
19	000718	1. Giáo dục thể chất 1	GDTC	1	(0, 30, 30)	x
20	000719	2. Giáo dục thể chất 2	GDTC	1	(0, 30, 30)	x
21	000739	3. Giáo dục thể chất 3	GDTC	1	(0, 30, 30)	x
22	000740	4. Giáo dục thể chất 4	GDTC	1	(0, 30, 30)	x
		1.7. Giáo dục quốc phòng	**GDQP**	**8**		
23	002200	1. Giáo dục quốc phòng - HP1	GDQP	3	(37, 16, 0)	x
24	002201	2. Giáo dục quốc phòng - HP2	GDQP	2	(22, 16, 0)	x
25	002202	3. Giáo dục quốc phòng - HP3	GDQP	1	(7, 16, 0)	x
26	002203	4. Giáo dục quốc phòng - HP4	GDQP	2	(4, 56, 0)	x
	2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (98 tín chỉ)			**98**		
		2.1. Kiến thức cơ sở ngành Kinh tế & Quản lý du lịch		**24**		
		Các học phần bắt buộc		***16***		
27	000564	1. Kinh tế vi mô	DL&KS	2	(26, 8, 60)	x
28	000565	2. Kinh tế vĩ mô	DL&KS	2	(26, 8, 60)	x
29	000493	3. Quản trị học	QT&MAR	2	(26, 8, 60)	x
30	000567	4. Nguyên lý thống kê	DL&KS	2	(26, 8, 60)	x
31	001981	5. Kinh tế du lịch	DL&KS	3	(39, 12, 90)	x
32	001983	6. Marketing du lịch	DL&KS	3	(39, 12, 90)	x
33	003209	7. Pháp luật du lịch	DL&KS	2	(39, 12, 90)	x
		Các học phần tự chọn:		***8***		
34	002003	1. Thương mại điện tử - DLKS	DL&KS	2	(26, 8, 60)	x
35	000568	2. Pháp luật kinh tế	DL&KS	2	(26, 8, 60)	
36	002102	3. Lịch sử văn minh thế giới	DL&KS	2	(26, 8, 60)	
37	001879	4. Nguyên lý thống kê kinh tế	DL&KS	2	(26, 8, 60)	
38	001109	5. Tài chính - Tiền tệ	TCNH&BH	3	(39, 12, 90)	
39	000681	6. Lý thuyết hạch toán kế toán	KTKT	3	(39, 12, 90)	x
40	000666	7.Tài chính doanh nghiệp	TCNH&BH	3	(39,12,90)	
41	002472	8. Quản trị dịch vụ	DL&KS	3	(39, 12, 90)	x
		2.2. Kiến thức ngành		**74**		
		2.2.1. Kiến thức chung của ngành		**49**		
		Các học phần bắt buộc		***33***		

TT	Mã học phần	Học phần	Khoa/ Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT,TH/TL, Tự học)	Ghi chú
42	002069	1. Quản trị kinh doanh khách sạn	DL&KS	3	(39, 12, 90)	x
43	003214	2. Thực hành kinh doanh DL trực tuyến	DL&KS	2	(0, 60, 60)	x
44	002006	3. Tin học ứng dụng trong du lịch	DL&KS	2	(0, 60, 60)	x
45	002473	4. Kiến tập doanh nghiệp - QTKS	DL&KS	2	(0, 60, 0)	x
46	003232	5. Quản trị buồng khách sạn	DL&KS	2	(26, 8, 60)	x
47	003233	6. Thực hành Nghiệp vụ buồng khách sạn	DL&KS	2	(0, 60, 60)	x
48	003263	7. Thực tập nghiệp vụ khách sạn 1	DL&KS	3	(0,180,0)	x
49	003216	8. Lễ tân khách sạn	DL&KS	2	(26, 8, 60)	x
50	003234	9. Thực hành nghiệp vụ lễ tân khách sạn	DL&KS	2	(0, 60, 60)	x
51	003300	10. Thực tập nghiệp vụ khách sạn 2	DL&KS	3	(0,180,0)	x
52	003235	11. Quản trị nhà hàng	DL&KS	2	(26, 8, 60)	x
53	003236	12. Thực hành nghiệp vụ nhà hàng	DL&KS	2	(0, 60, 60)	x
54	003310	13. Thực tập nghiệp vụ khách sạn 3	DL&KS	3	(0,180,0)	x
55	002481	14. Thực tập quản lý khách sạn	DL&KS	3	(0, 90, 0)	x
		Các học phần (ngoại ngữ) tự chọn		***6***		
56	002004	1. Tiếng Anh du lịch căn bản 1	DL&KS	3	(39, 12, 90)	x
57	002005	2. Tiếng Anh du lịch căn bản 2	DL&KS	3	(39, 12, 90)	x
58	001545	3. Tiếng Trung 1	NN	3	(39, 12, 90)	
59	001894	4. Tiếng Trung 2	NN	3	(39, 12, 90)	
		Các học phần tự chọn *(chọn 10 TC trong các học phần)*		***10***		
60	002470	1. Tổng quan cơ sở lưu trú	DL&KS	2	(26, 8, 60)	x
61	001978	2. Hành vi tiêu dùng trong du lịch	DL&KS	2	(26, 8, 60)	
62	001993	3. Tâm lý và giao tiếp trong du lịch	DL&KS	2	(26, 8, 60)	x
63	002688	4. Hướng dẫn du lịch	DL&KS	2	(26,8,60)	
64	003221	5. Văn hóa du lịch	DL&KS	3	(39, 12, 90)	
65	001991	6. Quản trị rủi ro trong du lịch	DL&KS	3	(39,12,90)	x
66	001986	7. Quản trị chiến lược trong tổ chức DL	DL&KS	3	(39,12,90)	
67	001989	8. Quản trị nguồn nhân lực trong doanh nghiệp du lịch	DL&KS	3	(39, 12, 90)	x

TT	Mã học phần	Học phần	Khoa/ Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT,TH/TL, Tự học)	Ghi chú
68	003237	9. Tổ chức và điều hành tour	DL&KS	2	(26, 8, 60)	
		2.2.2. Kiến thức chuyên ngành (chọn 1 trong 2 module)		**25**		
		Module 1: Lễ tân đối ngoại		**25**		
		1. Các học phần bắt buộc		**5**		
69	003238	1. Nghiệp vụ lễ tân ngoại giao	DL&KS	2	(0, 60, 60)	x
70	003239	2. Quản trị quan hệ khách hàng (CRM)	DL&KS	3	(39, 12, 90)	x
		2. Các học phần tự chọn (chọn 6 TC trong các học phần)		**6**		
71	003240	1. Diễn giảng công cộng	DL&KS	3	(39, 12, 90)	x
72	003241	2. Văn hóa thưởng thức tiệc ngoại giao	DL&KS	3	(39, 12, 90)	x
73	003242	3. Tổng quan về tổ chức sự kiện	DL&KS	3	(39, 12, 90)	
74	003243	4. Quản lý dự án sự kiện	DL&KS	3	(39, 12, 90)	
75	**002076**	**3. Thực tập cuối khóa ngành QTKS**	DL&KS	**5**	(0, 300, 0)	x
76	**002482**	**4. Khóa luận tốt nghiệp ngành QTKS**	DL&KS	**9**	(0, 540, 0)	x
		*Các dự án thay thế khóa luận tốt nghiệp (**Chọn 1 trong 3 dự án**)*				
77	003244	4.1. Dự án Quản trị chất lượng dịch vụ	DL&KS	9	(0,540,0)	x
78	003245	4.2. Dự án phân tích hiệu quả hoạt động của khách sạn	DL&KS	9	(0,540,0)	x
79	003246	4.3. Dự án Quản trị an ninh, an toàn trong khách sạn	DL&KS	9	(0,540,0)	x
		Module 2: Quản trị sự kiện		**25**		
		1. Các học phần bắt buộc		**5**		
80	003242	1. Tổng quan về tổ chức sự kiện	DL&KS	3	(39, 12, 90)	x
81	003247	2. Thực hành tổ chức sự kiện	DL&KS	2	(0, 60, 60)	x
		2. Các học phần tự chọn (chọn 6 TC trong các học phần)		**6**		
82	003243	1. Quản lý dự án sự kiện	DL&KS	3	(39, 12, 90)	x

TT	Mã học phần	Học phần	Khoa/ Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT,TH/TL, Tự học)	Ghi chú
83	003248	2. Marketing và truyền thông sự kiện	DL&KS	3	(39, 12, 90)	x
84	003239	3. Quản trị quan hệ khách hàng (CRM)	DL&KS	3	(39, 12, 90)	
85	003240	4. Diễn giảng công cộng	DL&KS	3	(39, 12, 90)	
86	**002076**	**3. Thực tập cuối khóa ngành QTKS**	DL&KS	**5**	(0, 300, 0)	x
87	**002482**	**4. Khóa luận tốt nghiệp ngành QTKS**	DL&KS	**9**	(0, 540, 0)	x
		*Các dự án thay thế khóa luận tốt nghiệp (**Chọn 1 trong 3 dự án**)*				
88	003244	4.1. Dự án Quản trị chất lượng dịch vụ	DL&KS	9	(0,540,0)	x
89	003245	4.2. Dự án phân tích hiệu quả hoạt động của khách sạn	DL&KS	9	(0,540,0)	x
90	003246	4.3. Dự án Quản trị an ninh, an toàn trong khách sạn	DL&KS	9	(0,540,0)	x

9. Hướng dẫn thực hiện

9.1. Nguyên tắc chung

- Hướng đào tạo: Chương trình đào tạo được xây dựng theo hướng ứng dụng, do vậy khi thực hiện chương trình cần chú ý:

- Theo hướng ứng dụng nhiều hơn hướng tiềm năng.
- Kiến thức cơ sở được rút gọn ở mức độ hợp lý.
- Khối kiến thức ngành sẽ được tăng lên, chủ yếu ở phần thực hành.

- Các căn cứ khi thực hiện chương trình:

+ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

+ Khung trình độ Quốc gia Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 do Chính phủ ban hành;

+ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

+ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

+ Quyết định số 832/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 20 tháng 9 năm 2023 của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp;

- Nội dung khi thực hiện chương trình: Các phòng, khoa, tổ bộ môn phải thực hiện đúng theo chương trình đào tạo và đề cương chi tiết các học phần đã được duyệt. Nếu có những nội dung cần phải thay đổi, phải đề nghị Ban Giám hiệu duyệt trước khi thực hiện.

- Kế hoạch đào tạo và phân công giáo viên lên lớp: Phải được bố trí hợp lý về chuyên môn, theo đặc thù từng ngành, từng đơn vị và phải được Ban Giám hiệu duyệt trước khi thực hiện.

- Các Khoa, Tổ bộ môn xây dựng đầy đủ bài giảng, ngân hàng dữ liệu đề thi cho toàn bộ các học phần và tổ chức giảng dạy theo các phương pháp mới, tích cực hoá các hoạt động của sinh viên, hướng dẫn sinh viên tự đọc, nghiên cứu tài liệu.

9.2. Kế hoạch đào tạo

- Toàn bộ chương trình được thực hiện trong 4 năm, chia thành 8 kỳ học. Mỗi năm học được chia thành 2 học kỳ và có thể tổ chức học tập thêm trong kỳ nghỉ hè cho một số sinh viên nếu xét thấy cần thiết:

- Học kỳ I bao gồm các nội dung:
  - Sinh hoạt chính trị đầu năm: 01 tuần;
  - Học tập: 15 tuần;
  - Thi học kỳ, dự trữ:
- Học kỳ II bao gồm các nội dung:
  - Nghỉ tết: 02 tuần;
  - Sinh hoạt lớp, LĐ công ích: 01 tuần;
  - Học tập: 15 tuần;

- Thi học kỳ, dự trữ:
- Thi lại của học kỳ I (Được tổ chức sau khi nghỉ tết khoảng 3 tuần)

o Học kỳ phụ bao gồm các nội dung:

- Nghỉ hè;
- Thi lại của học kỳ II (Được tổ chức ngay đầu kỳ nghỉ hè);
- Tổ chức học bù, học phụ đạo, học vượt ... ;
- Thi học kỳ phụ.

- Ngoài ra, tùy theo tình hình, Nhà trường có thể mở thêm các kỳ học tăng cường, học cải thiện để đáp ứng nhu cầu học tập của sinh viên.

Chú ý:

- Học kỳ I năm học thứ nhất chỉ có 15 tuần (do thời điểm sinh viên vào khoá học muộn hơn so với thời điểm bắt đầu học kỳ I);
- Học kỳ II năm học thứ tư không bố trí kỳ nghỉ hè, kế hoạch được tổ chức liên tục đến khi tốt nghiệp.

- Quy định thực hiện các học phần:

o Các học phần lý thuyết: Tại lớp học không quá 30 tiết/ tuần và đảm bảo không quá 15 giờ/tuần/học phần. Được chia thành các phần: Lý thuyết, Bài tập + Kiểm tra, Thực hành môn học.

o Các học phần thực tập, bài tập lớn: Tại phòng thực hành của Nhà trường và các doanh nghiệp, thời gian không quá 40 giờ/ tuần.

9.3. Chế độ công tác giảng viên

Thực hiện theo Quy chế chi tiêu nội bộ hiện hành của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

Hà Nội, ngày 30 tháng 05 năm 2026

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

TS. Trần Hoàng Long